

Bản án số: 96/2019/DS-ST

Ngày: 09/8/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thế Trang Đền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Luận
2. Ông Lê Thành Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 224/2019/QĐXX-DS ngày 23/7/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn G, sinh năm: 1956; Địa chỉ: Ấp 7, xã Phước Long, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Tuyết M (tên thường gọi là Tuyết), sinh năm: 1958; Chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1982; cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Thuận Điền, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Kim L, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Điền, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi của nguyên đơn ngày 14/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G trình bày:

Cách đây khoảng 03 năm, ông có bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho bà Đỗ Kim L. Sau một thời gian, bà L sang heo cho bà M và chị C để bà M và chị C tiếp tục chăn nuôi heo của bà L. Theo thỏa thuận giữa các bên thì ông sẽ tiếp giao thức ăn chăn nuôi cho mẹ con bà M, chị C và ghi vào sổ giao hàng, mỗi lần phải bà M nhận thức ăn, bà M đều có ký tên xác nhận chốt lại số tiền còn thiếu của ông cộng với số tiền thiếu nợ của bà L trước đó bởi vì toàn bộ số heo của bà L giao cho bà M và chị C tiếp tục nuôi. Hai bên tiếp tục mua bán đến ngày 22/3/2017, ông và bà M tính lại số tiền mà bà M và chị C còn thiếu của ông là 245.339.000 đồng, bà M đồng ý với số tiền còn nợ mà ông tổng kết nên ký tên vào sổ giao hàng và hứa bán heo sẽ trả tiền cho ông. Vào ngày 16/7/2017, chị C có đến trả cho ông 10.000.000

đồng, còn nợ lại 235.339.000 đồng và chị C ký tên nhận nợ. Về tháng sau bà M tiếp tục trả cho ông được 30.000.000 đồng còn nợ lại 205.339.000 đồng cho đến nay chưa trả thêm lần nào nữa. Ông có đòi nhiều lần nhưng bà M và chị C vẫn không trả tiền cho ông mà cứ hẹn lần hẹn lượt.

Việc bà M, chị C và bà L thỏa thuận như thế nào thì ông không biết. Mẹ con bà M đã thừa nhận nợ và ký tên vào sổ nhận nợ nên phải có trách nhiệm trả tiền cho ông. Bà L có thể trả tiền cho bà M và chị C để bà M và chị C trả cho ông. Ông vẫn giữ yêu cầu là chỉ yêu cầu bà M và chị C có trách nhiệm trả tiền nợ thức ăn là 205.339.000 đồng cho ông, không yêu cầu bà L có trách nhiệm trả và ông không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị Tuyết M và chị Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm trả cho ông số tiền do mua bán thức ăn còn nợ là 205.339.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng C trình bày:

Trước đây chị có nhận sang heo của bà L chuyển qua, khi nhận sang heo thì bà L (bà L là đẻ ruột của chị, là em ruột của bà M) và mẹ chị là bà M có thông báo cho ông G. Khi nhận thấy trước đây bà L cũng có mua bán với ông G. Chị có yêu cầu là ghi sổ riêng ra, phần nào của bà L thì tính riêng, chỉ tính riêng phần của mẹ con chị nhưng bà Gạnh không chịu ghi riêng. Phần đầu sổ trở về trước là bà L nợ ông G, chỉ có phần phía sau là của mẹ con chị thiếu của ông G. Chị thừa nhận là chị có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Thị Hồng C vào sổ ghi số tiền nợ mà ông G cung cấp, chị có ký tên là vào bà Gạnh nói là cứ ký để xác nhận số nợ rồi sẽ trừ phần nợ của bà L ra nên chị mới đồng ý ký tên. Ông G chỉ cung cấp những trang cuối của cuốn sổ có chữ ký của mẹ con chị, còn những trang đầu nợ riêng của bà L thì ông không cung cấp cho Tòa án. Khi bà L chăn nuôi heo thì bà L còn nợ ông G là 139.951.000 đồng, phần mẹ con chị chỉ còn nợ ông G 65.388.000 đồng. Chị chỉ đồng ý trả cho ông G số tiền 65.388.000 đồng, phần bà L nợ ông G 139.951.000 đồng thì bà L có trách nhiệm trả cho ông G.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên ý kiến, chị chỉ đồng ý cùng mẹ chị là bà M trả cho ông G số tiền là 65.388.000 đồng, phần bà L nợ ông G 139.951.000 đồng thì bà L có trách nhiệm trả cho ông G.

Trong bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đỗ Thị Tuyết M trình bày:

Bà thừa nhận có ký tên “Tuyết” sau mỗi lần giao thức ăn và tính thành tiền vào sổ giao hàng mà ông G cung cấp cho Tòa án vì tên thường gọi của bà là Tuyết. Lý do bà ký tên là ông G buộc bà ký thì bà ký chứ bà chỉ nợ ông G số tiền 65.388.000 đồng còn phần 139.951.000 đồng là của bà L nợ ông G. Bà có nhiều lần yêu cầu ông G tách sổ nợ của bà L ra để chỉ theo dõi tiền nợ thức ăn của bà thôi nhưng ông G không đồng ý. Thực tế, bà L cũng đã thừa nhận nợ với ông G số tiền 139.951.000 đồng thì bà L có trách nhiệm trả cho ông G. Phần bà nợ ông G là 65.388.000 đồng thì bà chỉ đồng ý trả số tiền này. Bà có ký tên xác nhận nợ hiện còn của ông G có cả phần nợ của bà L vì ông G buộc bà phải ký, ông G cho rằng bà nhận heo của bà L tiếp tục nuôi thì phải nhận nợ của bà L nhưng thật sự số heo

của bà L giao cho bà v à Cẩm tiếp tục nuôi nhưng khi bán toàn bộ số heo của bà L thì bà trả 30.000.000 đồng để trừ vào số tiền nợ thức ăn của bà L cho ông G.

Tại phiên tòa, bà vẫn giữ nguyên ý kiến, bà chỉ đồng ý cùng con bà là Cẩm trả cho ông G số tiền là 65.388.000 đồng, phần bà L nợ ông G 139.951.000 đồng thì bà L có trách nhiệm trả cho ông G.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Kim L trình bày:

Bà yêu cầu Tòa án đưa bà tham gia giải quyết vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì trước đây do chăn nuôi thua lỗ nên bà có sang heo cho bà M và Cẩm để bà mẹ con chăn nuôi tiếp. Khi nuôi heo bà có hợp đồng mua bán thức ăn với ông G, sau khi bà sang heo lại cho mẹ con bà M thì mẹ con bà M tiếp tục hợp đồng thức ăn với ông G, khi kết hợp đồng với ông G thì bà còn nợ ông G số tiền 139.951.000 đồng. Bà đồng ý có trách nhiệm trả cho ông G số tiền này.

Tại phiên tòa, bà L thừa nhận còn nợ của ông G số tiền mua bán thức ăn là 139.951.000 đồng và bà đồng ý có trách nhiệm trả cho ông G số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Nội dung vụ án:

Do có quen biết với nhau nên giữa ông Huỳnh Văn G và bà Đỗ Thị Kim Loan, bà Đỗ Thị Tuyết M, chị Nguyễn Thị Hồng C có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc mua bán thức ăn gia súc, cụ thể như sau:

Vào khoảng năm 2016, ông G và bà L bắt đầu mua bán thức ăn chăn nuôi heo. Hai bên hợp đồng miệng và cùng thỏa thuận với nhau, ông G cung cấp thức ăn cho bà L, đến khi heo xuất chuồng thì bà L sẽ trả hết tiền nợ thức ăn cho ông G. Hai bên thực hiện hợp đồng theo hình thức gói đầu. Mỗi lần giao thức ăn cho bà L thì hai bên đều có ghi sổ theo dõi số lượng bao thức ăn, ngày giao và số nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng: Hai bên mua bán thức ăn đến khoảng năm 2017 thì bà L thiếu ông G số tiền tổng cộng là 139.951.000 đồng. Sau đó, giữa bà L và bà M, chị C tự thỏa thuận là bà L sang hết phần heo mà bà L đang nuôi giao lại cho bà M, chị C tiếp tục nuôi, giữa bà L, bà M và chị C có báo với ông G, tất cả cùng đồng ý bà L giao số heo hiện còn của bà L cho bà M, chị C tiếp tục nuôi, bà M tiếp tục mua thức ăn của ông G. Việc thỏa thuận của các bên chỉ bằng hợp đồng miệng, không có chứng cứ chứng minh. Sau đó, bà M và bà L tiếp tục mua thức ăn của ông G, ông G giao thức ăn cho bà M và chị C bằng việc theo dõi sổ ghi nợ tiếp theo khoảng nợ cũ mà bà L còn thiếu của ông G.

Tài liệu mà ông G cung cấp là sổ theo dõi việc giao nhận thức ăn được phả bà M và chị C xác nhận vào từng ngày cụ thể. Mỗi ngày ký nhận số tiền theo dõi có trả dần cho ông G đều được bà M thừa nhận và ký tên là Tuyết (bà Tuyết M đồng ý chữ ký Tuyết là bà ghi vì tên thường gọi của bà là Tuyết).

Ngày 16/7/2017, chị C có trả dần số tiền mua thức ăn trong thời gian hai bên thực hiện hợp đồng và chị C viết, ký vào số tiền còn nợ của ông G là 235.339.000 đồng.

Tiếp theo trang giấy theo dõi nợ, ph á chị C, bà M có trả tiếp là 30.000.000 đồng. Do vậy, việc bà M và chị C đã thừa nhận nợ của ông G cả một thời gian dài trong sổ theo dõi nợ của ông G kể từ ngày bà M và chị C tiếp tục chăn nuôi số heo sang lại của bà L là ngày 11/01/2017, trong sổ của ông G có chữ ký của bà Tuyết M thừa nhận nợ từng thời điểm, trong đó có cả phần nợ cũ của bà L chuyển sang đều được hai bên nhập vào sổ chung mà bà M và chị C thừa nhận.

Tại phiên tòa, ông G vẫn thừa nhận khi kết thúc hợp đồng mua bán thức ăn với bà L, bà L còn nợ của ông là 174.951.000 đồng nhưng sau đó ông đã thỏa thuận nhập số nợ này để tiếp tục hợp đồng mua bán thức ăn với bà M và chị C. Đến nay, số tiền mà bà M và chị C thừa nhận nhập chung còn nợ của ông là 205.339.000 đồng. Như vậy, cần buộc bà M và chị C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông G số tiền còn thiếu là 205.339.000 đồng. Riêng đối với phần nợ của bà L nợ của ông G, ông G thừa nhận đã nhập chung hai khoản nợ của bà L và bà M, chị C. Do đó, bà L, bà M và chị C sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu các đương sự có ý cầu tranh chấp.

Đối với trình bày của bà L, bà L cũng thừa nhận có mua thức ăn của ông G trước đây, đến khi kết thúc hợp đồng bà L còn nợ của ông G số tiền là 139.951.000 đồng và bà đồng ý trả số tiền nợ cho ông G. Bà cho rằng khi kết thúc hợp đồng với ông G, bà sang toàn bộ số heo đang nuôi cho bà M và chị C tiếp tục nuôi bà không biết giá trị là bao nhiêu, sau khi số heo của bà xuất chuồng, bà M và chị C trả cho ông G 30.000.000 đồng. Số tiền 30.000.000 đồng được bà M và chị C trả dần cho ông G mà không thể hiện số tiền này bà M và chị C trả cho bà L. Đối với các giấy nợ của ông G khởi kiện số tiền của bà M và chị C không còn thể hiện số tiền của bà L trong các khoản nợ này. Do đó, không chấp nhận lời trình bày của bà L, bà L sẽ trả nợ cho bà M và chị C nếu bà M và chị C có ý cầu bằng một vụ án khác. Do đó, bác yêu cầu của bà M, chị C và bà L.

Sau khi kết thúc hợp đồng mua bán thức ăn với bà M và chị C, số tiền như nhận định trên thì bà M và chị C còn thiếu của ông G là 205.339.000 đồng. Ông G cho rằng nhiều lần ông G có ý cầu đòi nợ nhưng bà M và chị C không thực hiện trả nên bà M và chị C đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông G, xét thấy yêu cầu của ông G là phù hợp nên chấp nhận, cần buộc bà M và chị C phải có trách nhiệm thanh toán số tiền mua thức ăn của ông G là 205.339.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Ông G không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của ông G nên Hội đồng xét xử không xem xét về lãi suất.

Từ những phân tích trên, cần buộc bà Đỗ Thị Tuyết M và chị Nguyễn Thị Hồng C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền nợ gốc của việc mua bán thức ăn là 205.339.000 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

Về án phí Buộc bà Đỗ Thị Tuyết M và chị Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí án sơ thẩm theo quy định là 10.266.950 đồng (*Mười triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi đồng*). Tuy nhiên, bà M thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội (Trường hợp người cao tuổi) nên chỉ buộc chị C phải nộp $\frac{1}{2}$ số tiền án phí là 5.133.475 đồng (*Năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*).

Do yêu cầu của ông Huỳnh Văn G được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông G số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 5.133.500 đồng (*Năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0004111 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn G về việc yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết M và chị Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền nợ mua bán thức ăn là 205.339.000 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

2. Buộc bà Đỗ Thị Tuyết M và chị Nguyễn Thị Hồng C có trách nhiệm liên đới trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền là 205.339.000 đồng (*Hai trăm lẻ năm triệu ba trăm ba mươi chín nghìn đồng*).

3. Bác yêu cầu của bà Đỗ Thị Tuyết M và chị Nguyễn Thị Hồng C về việc chỉ đồng ý trả cho ông G số tiền là 65.388.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng*).

4. Bác yêu cầu của bà Đỗ Kim L về việc bà đồng ý trả cho ông G số tiền là 139.951.000 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Huỳnh Văn G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Tuyết M và chị Nguyễn Thị Hồng C chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền như án tuyên thì hàng tháng bà M, chị C còn phải trả cho ông G số tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị C phải nộp số tiền án phí là 5.133.475 đồng (*Năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng*) và còn phải nộp đủ số tiền này.

Hoàn lại cho ông G số tiền tạm ứng án phí ông G đã nộp là 5.133.500 đồng (*Năm triệu một trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng*) theo biên lai thu số 0004111 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền